

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày 24/8/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN PL, TỈNH BL

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Q T T

Các Hội thẩm nhân D:

1. Ông T V P;

2. Ông P V C.

- Thư ký phiên tòa: Ông D V A – Thư ký Tòa án nhân D huyện PL, tỉnh BL.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Bà L T N–
Kiểm sát viên.*

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện PL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLST-DS ngày 27/5/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông T B D, sinh năm 1968;

Bà Đ N T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp N Ô, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D và bà T: Chị Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: số 104, đường Dương Minh Quan, Khóm 8, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Đồng bị đơn:* Ông L T N, sinh năm 1958;

Bà S T H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp N Ô, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị L, ông N và bà H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ L trình bày: Từ năm 2015-2018 ông D và bà T có bán thức ăn chăn nuôi cho ông L T N và bà S T H, quá trình mua thức ăn thì cuối năm ông N và bà H có trả tiền cho ông D, bà T nhưng còn thiếu lại một phần; tính đến ngày 22/01/2018, ông N và bà H còn thiếu ông D, bà T tổng số tiền 279.753.000 đồng. Do không có tiền trả nên ông N, bà H thỏa Tận ông D, bà T sẽ trả lãi 1,2%/ tháng trên số tiền còn thiếu; Ông D, bà T đã đòi nhiều lần nhưng ông N, bà H chưa trả tiền nên ông D, bà T mới khởi kiện đến Tòa án. Nay bà L đại diện theo ủy quyền của ông D, bà T yêu cầu ông N và bà H trả tổng số tiền 279.753.000 đồng, thay đổi yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/ tháng từ ngày 22/01/2018 đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông L T N và bà S T H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông D và bà T về việc ông, bà còn nợ tiền mua thức ăn của ông D, bà T số tiền 279.753.000 đồng, do không có tiền trả nên ông, bà có thỏa Tận với ông D, bà T tính lãi với mức 1,2%/ tháng, thời gian tính lãi từ ngày 22/01/2018 đến khi trả hết nợ. Nay ông N và bà H đồng ý trả cho ông D, bà T số tiền 279.753.000 đồng. Ông N và bà H xin ông D và bà T cho họ phần lãi suất theo yêu cầu của ông D và bà T do họ không có tiền trả, nếu không cho phần tiền lãi thì ông N và bà H đồng ý đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng D sự. Về nội dung vụ án, đề N Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T. Buộc ông N, bà H có nghĩa vụ trả tiền mua thức ăn còn thiếu cho ông D, bà T số tiền 279.753.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử là 72.212.613 đồng, áp dụng Điều 357 của Bộ luật D sự năm 2015 trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện, ông T B D, bà Đ N T có đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông L T N và bà S T H trả tiền còn thiếu, yêu cầu tính lãi, không trình bày rõ quan hệ tranh chấp nên Tòa án nhân D huyện PL thụ lý vụ là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, qua quá trình giải quyết vụ án thì xác định lại quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Ông N, bà H có địa chỉ cư trú tại huyện Phước Long. Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng D sự năm 2015 nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân D huyện Phước Long.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai ông T B D, bà Đ N T cầu ông L T N, bà S T H trả tiền nợ còn thiếu số tiền 279.753.000 đồng. Tại phiên tòa chị L là người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà T có ý kiến thay đổi yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/ tháng, thời gian tính lãi từ ngày 22/01/2018 đến khi trả hết nợ. Về phía ông L T N và bà Sơn Thị H thừa nhận còn thiếu ông D, bà T số tiền 279.753.000 đồng, có thỏa Tận tính

lãi với mức lãi suất là 1,2%/ tháng; nay ông N, bà H đồng ý trả tiền nợ gốc cho ông D, bà T theo yêu cầu của họ nhưng cho ông, bà xin không phải trả tiền lãi.

[3] Cả ông D, bà T và ông N, bà H đều thừa nhận, ông N, bà H còn nợ ông D, bà T tổng số tiền mua thức ăn gia cầm còn thiếu là 279.753.000 đồng, có thỏa Tận tính lãi với mức lãi suất là 1,2%/1 tháng. Tại phiên tòa phiên tòa ngày hôm nay, bà L là người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà T có yêu cầu thay đổi mức lãi suất 0,83%/ tháng, từ ngày 22/01/2018 đến khi trả hết nợ. Xét thấy, việc yêu cầu thay đổi mức lãi suất của chị L là không vượt quá phạm vi khởi kiện, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng D sự nên được chấp nhận. Như vậy, lời thừa nhận của ông N, bà H về việc còn thiếu ông D, bà T số tiền 279.753.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 1,2%/ 1 tháng là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng D sự. Tiền lãi được tính như sau: từ ngày 22/01/2018 đến ngày xét xử là ngày 25/8/2020 là 02 năm 07 tháng 03 ngày $\times 279.753.00 \text{ đồng} \times 0,83\% / 1 \text{ tháng} = 72.212.613 \text{ đồng}$.

[4] Từ nhận định nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T B D, bà Đ N T đòi ông L T N, bà S T H trả tiền nợ gốc là 279.753.000 đồng, tiền nợ lãi với mức 0,83%/ 1 tháng từ ngày 22/01/2018 đến ngày xét xử là 72.212.613 đồng.

[5] Về án phí D sự sơ thẩm: ông N, bà H phải chịu án phí giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông D, bà T. Tuy nhiên, ông N, bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí; căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án nên ông N, bà H được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng D sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280 và 288 của Bộ luật D sự năm 2015;

- Căn cứ vào N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T B D, bà Đ N T đòi ông L T N, bà S T H trả tiền nợ gốc là 279.753.000 đồng, tiền nợ lãi với mức 0,83%/ 1 tháng từ ngày 22/01/2018 đến ngày tòa án xét xử vụ án.

Buộc ông L T N, bà S T H có nghĩa vụ trả tiền còn thiếu cho ông T B D, Đ N T tiền nợ gốc là 279.753.000 đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng), tiền lãi tính đến ngày 25/8/2020 là 72.212.613 đ (Bảy mươi hai triệu, hai trăm mười hai nghìn, sáu trăm mười ba đồng). Tổng cộng 351.965.613 đ (Ba trăm năm mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm mười ba đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật D sự, trừ trường hợp có thỏa Tận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án D sự.

2/ Về án phí D sự sơ thẩm: ông L T N, bà S T H phải nộp số tiền án phí là 17.598.280 đ (Mười bảy triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm tám mươi đồng). Tuy nhiên, ông N, bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí; căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông N, bà H được miễn nộp tiền án phí. Ông T B D, bà Đ N T đã tạm ứng án phí số tiền 6.993.825 đ (Sáu triệu chín trăm chín mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai số 0009355 ngày 27/5/2020, được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu.

Quách Thanh Tồn